BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ **VĂN PHÒNG** **CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 539.2018/ QĐ-VPCNCL	*Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 2018.*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tổ chức chứng nhận sản phẩm

GIÁM ĐỐC
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG

- Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Qui chuẩn kỹ thuật ngày 30 tháng 6 năm 2006;
- Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ về việc qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật tiêu chuẩn và Qui chuẩn kỹ thuật;
- Căn cứ Quyết định số 76/QĐ-TTg ngày 16/1/2018 của Thủ tướng Chính phủ về các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc bộ Khoa học và Công nghệ;
- Căn cứ Quyết định số 2058/QĐ-BKHCN ngày 23 tháng 07 năm 2018 về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Văn phòng Công nhận Chất lượng;
- Theo đề nghị của Đoàn chuyên gia đánh giá và Ban thẩm xét.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công nhận tổ chức chứng nhận:

TRUNG TÂM CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM THỦY SẢN VÙNG 1
(NAFIQAD 1)

Có Hệ thống Chứng nhận sản phẩm (Product Certification System) phù hợp theo ISO/IEC 17065:2012 với phạm vi công nhận trong phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2: Tổ chức Chứng nhận được mang số hiệu: **VICAS 026 - PRO.**

Điều 3: Tổ chức Chứng nhận được công nhận ở Điều 1 phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về công nhận theo quy định hiện hành.

Điều 4: Quyết định này có hiệu lực đến ngày 15 tháng 08 năm 2021 và Tổ chức Chứng nhận sẽ chịu sự giám sát định kỳ mỗi năm một lần.

GIÁM ĐỐC

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG

GIÁM ĐỐC
VŨ XUÂN THỦY

Nơi nhận:
- TCCN;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VT.

PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
ACCREDITATION SCHEDULE

(Kèm theo quyết định số: 539.2018 /QĐ-VPCNCL ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)

TÊN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN/ *Organisation*

Tiếng Việt/ *in Vietnamese:* TRUNG TÂM CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM THỦY SẢN VÙNG 1 (NAFIQAD 1)

Tiếng Anh/ *in English:* *National Agro-Forestry-Fisheries Quality Assurance Department – Branch 1 (NAFIQAD 1)*

SỐ HIỆU CÔNG NHẬN/ *Accreditation Number:* **VICAS 026 - PRO**

ĐỊA CHỈ ĐƯỢC CÔNG NHẬN/ *Location Covered by Accreditation*

51 Lê Lai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

51 Le Lai Street, Ngo Quyen District,Haiphong city

Tel: +84 225 3837 124 Fax: +84 225 3837 507

CHUẨN MỰC CÔNG NHẬN/ *Accreditation Standards*

ISO/IEC 17065:2012 Đánh giá sự phù hợp – Yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận sản phẩm, quá trình và dịch vụ/ *Conformity assessment – Requirements for bodies certifying products, processes and services.*

NGÀY BAN HÀNH/ *Issue date*

Ngày 24 tháng 10 năm 2018

Dated 24 th October 2018

PHẠM VI ĐƯỢC CÔNG NHẬN/ *Scope of Accreditation*

Chứng nhận sản phẩm theo phương thức 6 theo ISO/IEC 17067:2013 (tương ứng với phương thức 6 theo thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ) cho các sản phẩm sau đây/ *Product certification in accordance with certification scheme type 6 of ISO/IEC 17067:2013 (equivalents to certification scheme type 6 of Circular 28/2012/TT-BKHCN dated 12 December, 2012 of Ministry of Science and Technology) for the following product and processes:*

Quá trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt / *Good agricultural practice*

Stt *No*	Tên sản phẩm *Name of product*	Tiêu chuẩn chứng nhận *Certification standard*	Thủ tục chứng nhận *Certification procedure*	Phương thức chứng nhận *Type of product certification scheme*
1	Thực hành nông nghiệp tốt (VietGap) Phần 1 Trồng trọt *Good Agrucultural Practices (VietGap) Part 1:Crop Production*	TCVN 11892-1:2017	QT19-NAFI1	6
2	Quy trình thực hành chăn nuôi tốt (VietGAHP) cho chăn nuôi bò sữa; bò thịt; dê sữa; dê thịt; gà; lợn; ong mật; vịt; ngan tại Việt Nam *Good Animal Husbandry Practice (VietGAHP) for Dairy; Beef Cattle; Dairy Goat; Meat Goat; Chicken; Pig; Honey Bee Keeping; Duck and Muscovy Production in Vietnam*	48/2012/TT-BNNPTNT 4653/QĐ-BNN-CN 10/11/2015	QT10-NAFI1	6

Phụ lục này có hiệu lực tới ngày 15 tháng 08 năm 2021

This Accreditation Schedule is effective until 15 th August ,2021